

**Y tế sang công tác, lao động và các cán bộ đi học nghiên cứu sinh, thực tập sinh ở các nước.**

Tại Quyết định số 84-CT ngày 28-2-1985 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng đã ban hành quy chế hợp tác chuyên gia với nước ngoài. Bộ Y tế vận dụng và hướng dẫn cụ thể việc thực hiện điều 15, 16 quy định trên như sau:

1. Về biên chế. Cán bộ đã được cử đi học, đi nghiên cứu, thực tập và đi làm chuyên gia vẫn thuộc chỉ tiêu biên chế và quỹ tiền lương của cơ quan cũ. Trong thời gian đó, cơ quan tự sắp xếp không được tuyển dụng người khác vào thay thế.

2. Về tiền lương. Cơ quan cũ có trách nhiệm trả phụ cấp hàng tháng cho gia đình cán bộ đi học, đi nghiên cứu sinh, thực tập sinh và đi chuyên gia theo chế độ của Nhà nước quy định...

Trường hợp đã cố gắng sắp xếp công tác, nhưng vẫn không giải quyết được vì thiếu nhân lực, cơ quan được phép sử dụng phần tiền lương còn lại của cán bộ đi học, đi làm chuyên gia để phụ cấp thêm cho những người làm choàng hoặc tuyển dụng hợp đồng có thời hạn vào thay thế tùy theo yêu cầu cụ thể của công tác chuyên môn trên tinh thần hết sức tiết kiệm và nhất thiết không được tăng chỉ tiêu biên chế và quỹ tiền lương được duyệt của đơn vị.

3. Khi cán bộ đi học và chuyên gia trở về, đơn vị có trách nhiệm tiếp nhận chuyên gia, cán bộ đi học tiếp tục trở lại làm việc, trường hợp chuyên gia đã đến tuổi nghỉ hưu thì làm các thủ tục và các chế độ về nghỉ hưu như cán bộ khác.

4. Các chế độ khác, cán bộ đi học và chuyên gia vẫn được đơn vị chủ quản xét khen thưởng, nâng bậc lương, đề nghị phong chức vụ khoa học và quyền lợi khác nếu đủ tiêu chuẩn và có mặt ở trong nước trong thời gian tiến hành việc xem xét tại đơn vị công tác.

5. Thông tư này áp dụng cho các cán bộ, công nhân viên đi học, đi chuyên gia, đi hợp tác lao động nằm trong chỉ tiêu của Bộ Y tế được cử ra nước ngoài từ 1-1-1988. Đối với cán bộ đi học, chuyên gia đã được cử đi trước đây vẫn do Bộ Y tế tiếp tục trả lương cho đến hết thời hạn.

Bộ trưởng Bộ Y tế  
**Ts. ĐẶNG HỒI XUÂN**

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM  
**QUYẾT ĐỊNH số 25-NH/QĐ ngày 12-5-1988 về việc ban hành Biên lai suất tiền gửi và cho vay của Ngân hàng Nhà nước.**

**TỔNG GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG  
NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**

Căn cứ Nghị định số 35-CP ngày 9-2-1981 của Hội đồng Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Bộ trưởng và chức năng của Bộ trong một số lĩnh vực quản lý Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 53-HĐBT ngày 26-3-1988 của Hội đồng Bộ trưởng về tổ chức bộ máy Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

09653726

www.ThuVienPhapLuat.com  
Tel: 84-8-3845 6684 \* LawSight

Căn cứ Nghị định số 99-HĐBT ngày 29.6-1987 của Hội đồng Bộ trưởng về lãi suất tiền gửi và cho vay của Ngân hàng Nhà nước và Nghị định số 218-HĐBT ngày 19-11-1987 của Hội đồng Bộ trưởng về việc định lại mức lãi suất cho vay của Ngân hàng Nhà nước,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Điều 1. — Ban hành Biểu lãi suất tiền gửi và cho vay của Ngân hàng Nhà nước thay thế biểu lãi suất ban hành theo Quyết định số 114-QĐ ngày 23-11-1987 :

**I. LÃI SUẤT TIỀN GỬI**

- 1. Tiền gửi không kỳ hạn : 0,6%/tháng.
- 2. Tiền gửi có kỳ hạn :
  - Từ trên 1 tháng đến 3 tháng : 0,9%/tháng
  - Từ trên 3 tháng đến 6 tháng : 1,05%/tháng
  - Từ trên 6 tháng đến 12 tháng : 1,2%/tháng
  - Trên 12 tháng : 1,5%/tháng.
- 3. Hợp tác xã tín dụng gửi ngân hàng 1,5%/tháng.

**II. LÃI SUẤT CHO VAY**

- A. Cho vay vốn lưu động đối với kinh tế quốc doanh và tập thể**
- Sản xuất nông, lâm, diêm nghiệp, xây lắp : từ 1,8 đến 6%/tháng.
  - Phát hành sách (kể cả xuất nhập khẩu sách báo), sản xuất và phát hành phim, đồ dùng dạy học và văn hóa : từ 1,83 đến 6%/tháng.

- XI nghiệp đóng tàu biển, cơ khí nông nghiệp : từ 1,89 đến 6%/tháng.
- Kinh doanh lương thực : từ 1,98 đến 6%/tháng.
- Sản xuất công nghiệp, vận tải, bưu điện, bốc xếp, nhà xuất bản, hải sản : từ 2,10 đến 6%/tháng.
- Kinh doanh vật tư, dược phẩm : từ 2,16 đến 6%/tháng.
- Kinh doanh hàng xuất khẩu (ngoại thương) : từ 2,46 đến 6%/tháng.
- Kinh doanh thương nghiệp, dịch vụ, du lịch, hợp tác xã mua bán, kinh doanh nhập khẩu (ngoại thương) : từ 2,64 đến 6%/tháng.

**B. Cho vay vốn cố định đối với kinh tế quốc doanh và tập thể**

- Đến 18 tháng từ 1,5 đến 2,4%/tháng.
- Trên 18 tháng đến 36 tháng từ 2,7 đến 5,4%/tháng.

**C. Cho vay ngắn hạn đối với kinh tế tư doanh, cá thể, gia đình**

- Kinh tế gia đình cán bộ, công nhân viên, xã viên hợp tác xã : từ 6,9 đến 8,4%/tháng.
- Cá thể sản xuất : từ 7,5 đến 9,3%/tháng.
- Tư doanh : từ 8,4 đến 10,2%/tháng.

**D. Cho vay đối với hợp tác xã tín dụng**

Cho vay chiết khấu và tái chiết khấu tối đa bằng 80% lãi suất cùng đối tượng cho vay của hợp tác xã tín dụng.

**III. LÃI SUẤT NỢ QUÁ HẠN**

Nợ quá hạn : 18%/tháng.

#### IV. LÃI SUẤT THỎA THUẬN

Lãi suất cho vay thỏa thuận mức thấp nhất bằng mức lãi suất cao nhất của huy động tiền gửi tiết kiệm, hoặc lãi suất huy động tiền gửi lãi suất cao cộng thêm phụ phí hoạt động ngân hàng.

#### V. LÃI SUẤT ƯU ĐÃI

Được giảm tối đa 20% mức lãi suất cho vay cùng loại.

Điều 2. — Biểu lãi suất này thi hành kể từ ngày 1-6-1988. Tổng Giám đốc các Ngân hàng chuyên doanh Việt Nam căn cứ vào

đặc điểm ngành kinh tế và khung lãi suất này hướng dẫn thực hiện.

Các đồng chí Chánh Văn phòng, Vụ trưởng thuộc Ngân hàng Trung ương; Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Nhà nước, chi nhánh Ngân hàng chuyên doanh tỉnh, thành phố, đặc khu hoặc khu vực, và cơ sở chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này.

Tổng Giám đốc Ngân hàng

Nhà nước Việt Nam

LŨ MINH CHÂU